

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 -2023
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ P - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2023/QĐST - HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thị Bích L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967

Địa chỉ: B khóm H, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Thị Bích L trình bày và yêu cầu như sau:

Vào năm 1992 bà và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc

và có 03 người con chung, tuy nhiên đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau do ông C thiếu trách nhiệm lo cho cuộc sống gia đình và thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng bà với lời lẽ thô tục. Đầu năm 2021 bà đã về ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh sinh sống và từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu chăm sóc nhau nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: bà và ông C có 03 con chung tên Nguyễn Loan Hùng S, sinh năm 1993, Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2023 ông C trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào năm 1992 ông và bà L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng đến nay ông và bà L không có đăng ký kết hôn với nhau do không am hiểu pháp luật vì ông nghĩ rằng vợ chồng ông chung sống với nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới là đủ. Trong quá trình chung sống ông và bà L 03 con chung tên Nguyễn Loan Hùng S, sinh năm 1993, Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1996. Ông cho rằng vào năm 2021 bà L đã bỏ nhà đi và chung sống với người đàn ông khác cho đến nay nên ông không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà L, ông không chấp nhận được việc bà L bỏ chồng bỏ con đi theo người đàn ông khác. Ông không đồng ý ly hôn không phải ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vì ông không có lỗi trong vụ việc này nên bà L muốn làm gì làm, Tòa án giải quyết như thế thì ông cũng không có ý kiến.

Về con chung: ông cho rằng 03 người con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập, bị đơn thì vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn không công nhận bà Châu Thị Bích L và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông **Nguyễn Văn C** là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Nguyễn Văn C**.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà **Châu Thị Bích L**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà **Châu Thị Bích L** và ông **Nguyễn Văn C** tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của bà **L** và ông **C** không thể hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ lo bổn phận người đó, bỏ mặt nhau sống sao thì sống, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà **L** là có căn cứ. Tuy nhiên, hôn nhân giữa bà **L** và ông **C** là hôn nhân không hợp pháp, ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hôn nhân không hợp pháp không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà **Châu Thị Bích L** và ông **Nguyễn Văn C** là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà **Châu Thị Bích L** và ông **Nguyễn Văn C** khai có 03 con chung là **Nguyễn Loan Hùng S**, sinh năm 1993, **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1994 và **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1996 đã trưởng thành và có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà **Châu Thị Bích L** và ông **Nguyễn Văn C** khai không có tài sản chung, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà **Châu Thị Bích L** và ông **Nguyễn Văn C** khai không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà **Châu Thị Bích L** phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Châu Thị Bích L**.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà **Châu Thị Bích L** và ông **Nguyễn Văn C** là vợ chồng.

2. Về con chung: **Nguyễn Loan H**, sinh năm 1993, **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1994 và **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1996 đã trưởng thành và có khả năng lao động, không ai có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: bà **Châu Thị Bích L** và ông **Nguyễn Văn C** khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà **Châu Thị Bích L** và ông **Nguyễn Văn C** khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: bà **Châu Thị Bích L** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tại biên lai thu tiền số: 0013395 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên bà **L** không phải nộp thêm.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Kim Triều

